

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình
Hệ thống cấp, thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các văn bản của Chính phủ: Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Quyết định số 1164/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Cấp thoát nước thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La” sử dụng vốn vay ưu đãi của Chính phủ Hàn Quốc;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Xây dựng: Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Theo các văn bản của UBND tỉnh: Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2009 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước đô thị huyện Mộc Châu; Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 357/TTr-SXD ngày 26 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh hồ sơ dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước đô thị Mộc Châu với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Hệ thống cấp, thoát nước đô thị Mộc Châu.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Mộc Châu.

3. Tổ chức tư vấn lập hồ sơ dự án điều chỉnh: Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật KUNHWA - Hàn Quốc. Địa chỉ: Tiểu khu khí tượng, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu

4. Chủ nhiệm lập thiết kế xây dựng: KO KWANG HUYN.

5. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị Mộc Châu với công suất của hệ thống cấp nước là: 4.800 m³/ ngày đêm, hệ thống thoát nước là 4.500 m³/ ngày đêm tính đến năm 2020 đáp ứng được cơ bản nhu cầu sử dụng nước cho các khu đô thị huyện Mộc Châu.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Nội dung và quy mô, thiết kế điều chỉnh bao gồm

- Tổng công suất thiết kế của hệ thống cấp nước cho thị trấn Nông trường Mộc Châu tính đến năm 2020 là: 4.800 m³/ngày đêm.

- Tổng công suất thiết kế của hệ thống thoát nước tính đến năm 2020 là 4.500 m³/ngày đêm. Trong đó thoát nước cho thị trấn Mộc Châu là: 1.500 m³/ngày đêm, thị trấn Nông trường Mộc Châu là: 3.000 m³/ngày đêm.

6.1.1. Hệ thống cấp nước (Thị trấn Nông trường Mộc Châu)

a) Trạm xử lý nước Bó Bun Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày đêm. Các hạng mục trong trạm xử lý không thay đổi.

b) Trạm xử lý nước Chiềng Đi công suất 1.500 m³/ngày đêm, công trình gồm: Trạm bơm cấp I, đường ống nước thô, bể trộn, bể lắng lamén, bể lọc nhanh trọng lực rửa lọc bằng máy bơm, bể chứa (đài đầu mạng) dung tích 500m³.

c) Nâng cấp hệ thống cấp nước Giao tế (G4) công suất 1.300 m³/ngày đêm, xây dựng nhà hóa chất, cụm xử lý.

d) Hệ thống đường ống phân phối nước thị trấn Nông trường Mộc Châu: Tổng chiều dài tuyến ống (HDPE)= 42.044m, gồm có: Đường ống DN200 = 6.207 m; DN160 = 2.488m; DN110 = 5.418m; DN90 = 6.156m; DN75 = 8.838m; DN63 = 12.937m.

6.1.2. Hệ thống thoát nước

6.1.2.1. Thị trấn Mộc Châu.

a) Hệ thống tuyến ống thu gom nước thải. (28.614 m)

- Ống thu gom và vận chuyển (GRP): 8.386m, gồm có: Đường ống DN300 = 2.260m; DN250 = 2.002m; DN200 = 4.124 m;

- Hồ Ga thăm : 998 cái;

- Ống áp lực (HDPE): 4.360m, gồm có: Đường ống DN150 = 412m; DN125 = 1.059 m; DN100 = 2.788m; DN50 = 101 m;

- Ống dịch vụ: GRP D150 = 15.868m.

b) Trạm bơm chuyển tiếp: 5 trạm gồm: Trạm bơm PS1: 19m³/h; PS2 : 4m³/h; PS3 : 23m³/h; PS4: 41m³/h; PS5: 26m³/h.

c) Trạm xử lý gồm các hạng mục:

- Hồ Hiếu khí: 2 hồ: Rộng 10,5m, dài 21,68m, sâu 5,2 m, thể tích 1 hồ: 1.186 m³; thành, đáy xây đá hộc vữa xi măng mác 75/lớp bê tông lót mác 100/tấm nhựa HDPE/lớp đất sét đầm chặt;

- Hồ Tùy tiện: 2 hồ: Rộng 25,4m, dài 56,3m, sâu 3,7m, thể tích 1 hồ: 5.870 m³; thành, đáy xây đá hộc vữa xi măng mác 75/lớp bê tông lót mác 100/tấm nhựa HDPE/lớp đất sét đầm chặt;

- Hồ triệt đề: 1 hồ: Rộng 28,6m, dài 57,4m, sâu 2,4m, thể tích 1 hồ: 3.937 m³. thành, đáy xây đá hộc vữa xi măng mác 75/lớp bê tông lót mác 100/tấm nhựa HDPE/lớp đất sét đầm chặt;

- Nhà điều hành 1 tầng (*nhà kỹ thuật*) diện tích xây dựng: 108 m²; móng, cột, dầm, giằng, sàn mái đổ bê tông cốt thép mác 200, tường xây gạch chỉ, xà gồ bằng thép hình, mái lợp tôn chống nóng. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng kính khuôn nhôm, nền lát gạch ceramic, các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

6.1.2.2 Thị trấn Nông trường Mộc Châu

a) Hệ thống tuyến ống thu gom nước thải (34.531m)

- Ống thu gom và vận chuyển (GRP): 11.235m, gồm có đường ống: DN400 = 1.387m; DN300 = 1.874m; DN250 = 1.027m; DN200 = 6.947 m;

- Hồ Ga thăm: 1.319 cái; thành xây gạch chỉ vữa xi măng mác 50, đáy lót bê mác 100, nắp bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200;

- Ống áp lực (HDPE) : 2.684m, gồm có đường ống: DN200 = 264m; DN150 = 805m; DN100 = 1.095m; DN75 = 192m; DN50 = 328 m;

- Ống dịch vụ: GRP D150 = 20.612m.

b) Trạm bơm chuyển tiếp: 7 trạm

Trạm bơm: PS1: 17m³/h; PS2: 27m³/h; PS3: 5m³/h; PS4: 3,1m³/h; PS5: 53m³/h; PS6: 112m³/h; PS7: 46m³/h;

c) Trạm xử lý gồm các hạng mục:

- Hồ Hiếu khí: 2 hồ: Rộng 13,5m, dài 25,5m, sâu 4,5 m, thể tích 1 hồ: 1.549 m³; thành, đáy xây đá hộc vữa xi măng mác 75/lớp bê tông lót mác 100/tấm nhựa HDPE/lớp đất sét đầm chặt;

- Hồ tùy tiện: 2 hồ: Rộng 26,9m, dài 109,1m, sâu 3,1m, thể tích 1 hồ: 9.098 m³; thành, đáy xây đá hộc vữa xi măng mác 75/lớp bê tông lót mác 100/tấm nhựa HDPE/lớp đất sét đầm chặt;

- Hồ triệt để: 1 hồ: Rộng 17,2m, dài 110m, sâu 2,21m, thể tích 1 hồ: 4.183 m³; thành, đáy xây đá hộc vữa xi măng mác 75/lớp bê tông lót mác 100/tấm nhựa HDPE/lớp đất sét đầm chặt;

- Nhà điều hành (*Nhà kỹ thuật*); diện tích xây dựng 108 m²; móng, cột, dầm, giằng, sàn mái đổ bê tông cốt thép mác 200, tường xây gạch chỉ, xà gồ bằng thép hình, mái lợp tôn chống nóng. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng kính khuôn nhôm, nền lát gạch ceramic, các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

- Nhà hành chính (*Nhà làm việc*) diện tích xây dựng 108 m²; móng, cột, dầm, giằng, sàn mái đổ bê tông cốt thép mác 200, tường xây gạch chỉ, xà gồ bằng thép hình, mái lợp tôn chống nóng. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng kính khuôn nhôm, nền lát gạch ceramic, các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

6.1.2.3. Nhà điều hành quản lý 1 tầng, diện tích xây dựng: 108 m²; móng, cột, dầm, giằng, sàn mái đổ bê tông cốt thép mác 200, tường xây gạch chỉ, xà gồ bằng thép hình, mái lợp tôn chống nóng. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng kính khuôn nhôm, nền lát gạch ceramic, các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

6.2. Một số nội dung và chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh của dự án

6.3. Các nội dung khác: Thực hiện theo các theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2009 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu; Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La ; Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

7. Địa điểm xây dựng: huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

8. Diện tích sử dụng đất: 60.000 m².

9. Loại cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh: 313.551,004 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	226.365,054	Triệu đồng;
- Chi phí thiết bị	:	21.443,564	Triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	2.946,444	Triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	39.695,653	Triệu đồng;

- Chi phí khác : 3.425,817 Triệu đồng;
- Chi phí dự phòng : 13.837,407 Triệu đồng;
- Chi phí GPMB : 5.837,065 Triệu đồng;

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ODA của Hàn Quốc, vốn đối ứng ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh trong đó:

6.1. Vốn ODA là 270,831 tỷ đồng.

- Ngân sách nhà nước cấp phát cho hợp phần thoát nước: 215,124 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Mộc Châu vay lại hợp phần cấp nước: 55,708 tỷ đồng.

6.2. Vốn đối ứng tỉnh và trung ương là 42,719 tỷ đồng

- Hợp phần thoát nước: 34,743 tỷ đồng.
- Hợp phần cấp nước: 7,976 tỷ đồng.

13. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định.

14. Thời gian thực hiện: 2009-2020.

15. Một số nội dung khác: Thực hiện theo báo cáo kết quả thẩm định số 377/KQTĐ-SXD ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Sở Xây dựng.

Điều 2: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu (*chủ đầu tư*) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này; đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả; không để xảy ra thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh Sơn La; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (T/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, TH, KT(Quý-3b). 25b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

